

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI HÀ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST  
Ngày 12/6/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ  
*T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Hương Lan**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Trịnh**;

2. Bà **Bùi Thùy Linh**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **V Thị Thanh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Ông **Đinh Hồng Khanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 đối với:

**1. Bị cáo: Phạm Văn T.** Sinh ngày 26/8/1995 tại H, Q. Nơi cư trú: thôn 2, xã P, huyện H, tỉnh Q. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Phạm Văn Duân; Họ tên mẹ: Vũ Thị Trâm. Vợ, con: chưa có. Tiền sự: Không. Tiền án: 01 tiền án, ngày 22/11/2017 bị Tòa án nhân dân T phố Móng Cái, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Những người bị hại:**

- Chị Lò Thị Tr, sinh năm 1999.

Trú tại: Đội 21B, xã Noọng Hẹt, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- Chị Lường Thị N, sinh năm 1999.

Trú tại: Đội 14, xã Noọng Hẹt, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt.

**3. Những người làm chứng:**

- Vũ Văn V, sinh năm 2004.

Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Đinh Đức T, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

- Nguyễn Đức C, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/02/2018, Phạm Văn T cùng với Vũ Văn V, sinh ngày 21/02/2004, trú tại thôn 1, xã P, huyện H và Đinh Đức T, sinh năm 2001, trú tại thôn 2, xã P đang ngồi chơi nói chuyện ở phòng trọ của Nguyễn Đức C, sinh năm 2001 tại khu 8H thuộc thôn 5, xã Quảng Điền, huyện H (lúc này C không có mặt ở phòng trọ), sau đó T đi ra ngoài hành lang của dãy phòng trọ, T phát hiện cửa sổ phòng trọ của chị Lường Thị N và Lò Thị Tr (bên cạnh phòng trọ của C) làm bằng khung nhôm kính, dạng trượt, không có song cửa chắn, từ bên ngoài dùng tay kéo mở ra được, trong phòng không có người, nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T quay về đứng ở cửa phòng trọ của C nói cho V biết để cùng sang trộm cắp, V đồng ý, còn T đang nằm trên giường xem phim trên điện thoại di động, không nói gì. Sau đó T, V cùng đi sang phòng trọ của chị N, T dùng tay kéo cánh cửa sổ mở ra để V trèo vào bên trong phòng, còn T đứng ngoài cửa sổ để canh giới. Một lúc sau do sợ người khác phát hiện, T quay trở về phòng trọ của C, còn V vẫn ở trong phòng chị N tìm kiếm phát hiện 800.000đ của chị N để trong Ti xách màu đen treo trên tường và 6.500.000đ của chị Tr để trong chiếc ví màu hồng để dưới chân giường ngủ, tổng số tiền V trộm cắp là 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Sau khi trộm cắp được số tiền trên, V quay về phòng trọ của C lấy số tiền 800.000đ trộm cắp được của chị N chia cho T 300.000đ, lúc này T thấy V cầm tiền đưa cho T, nên T hỏi V xin tiền, thì được V cho 200.000đ (nhưng V không nói cho T biết số tiền đó do trộm cắp mà có), số tiền còn lại V cầm hết, sau đó V cho số tiền 6.500.000đ trộm cắp được của chị Tr vào trong 01 chiếc hộp bìa cát tông đem cất giấu ở cuối chân giường ngủ trong phòng trọ của C. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C về phòng trọ thì V lấy 500.000đ để trong hộp bìa cát tông đưa cho C để trả tiền phòng trọ (V cũng không nói cho C biết số tiền đó do trộm cắp mà có). Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, C thấy Công an đến dãy phòng trọ làm việc về vụ mất trộm, thì C mới biết số tiền 500.000đ V đưa để trả tiền phòng trọ là do V trộm cắp mà có, nên C đã trả lại cho V.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSHH ngày 09/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T T khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Khi phát hiện cửa sổ phòng trọ bên cạnh làm bằng khung nhôm kính không có song chắn bên trong, có thể kéo mở ra được, trong phòng lại không có người, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo quay về phòng trọ của C nói cho V, V đồng ý sang trộm cắp cùng bị cáo. Bị cáo cùng V đi sang phòng trọ, bị cáo dùng tay kéo cửa sổ ra để V trèo vào bên trong phòng, bị cáo đứng ngoài canh giới. Một lúc sau sợ mọi người phát hiện nên bị cáo quay về phòng trọ của C, sau đó V về bảo lấy được 800.000 đồng, chia cho bị cáo 300.000 đồng và T 200.000 đồng.

Người bị hại chị Lường Thị N và Lò Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt và trong hồ sơ vụ án có lời khai cho biết: Hai chị thuê phòng trọ tại khu 8H thuộc thôn 5, xã Quảng Điền, huyện H để đi làm công nhân ở khu công nghiệp Texhong H. Ngày 08/02/2018 hai chị đi làm về thì phát hiện chị Tr bị mất số tiền 6.500.000 đồng để trong ví dưới chân giường ngủ, còn chị N bị mất 800.000 đồng để trong Túi xách màu đen treo trên tường. Tổng số tiền hai chị bị mất là 7.300.000 đồng. Quá trình điều tra, hai chị đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện trả lại số tiền bị mất nên không có đề nghị gì.

Những người làm chứng Vũ Văn V, Đinh Đức T, Nguyễn Đức C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo và người bị hại về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án hình sự số 148/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân T phố Móng Cái, tỉnh Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 18 đến 21 tháng tù, được trừ đi những ngày bị cáo bị tạm giữ; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/5/2018. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/02/2018, tại phòng trọ của chị Lường Thị N và Lò Thị Tr ở khu 8H thuộc thôn 5, xã Quảng Điền, huyện H, Phạm Văn T và Vũ Văn V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 800.000đ của chị N và 6.500.000đ của chị Tr. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Bị cáo cùng với V đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, lén lút chiếm đoạt của chị Lò Thị Tr và Lường Thị N với tổng số tiền 7.300.000 đồng. Vì vậy bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện H là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Bị cáo là người trưởng T, có đầy đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình, nhưng vì lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhưng không bằng con đường lao động chân chính, bị cáo đã cùng với V trộm cắp tiền của người khác để tiêu dùng cá nhân. Mặc dù bị cáo đã một tiền án về tội trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân T phố Móng Cái xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục trộm cắp tài sản trong thời gian thử thách của án treo. Vì vậy cần xử lý nghiêm.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 22/11/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân T phố Móng Cái xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hơn nữa, bị cáo có hành vi rủ rê, xúi giục Vũ Văn V, sinh ngày 21/02/2004 cùng thực hiện hành vi trộm cắp với bị cáo, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo là người khởi xướng việc trộm cắp, rủ V cùng tham gia với mình, cảnh giới cho V vào thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo đứng vai trò đầu vụ. V tiếp nhận ý chí của bị cáo, là người thực hành. Tuy nhiên, do V chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của án treo, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, bị cáo buộc phải chấp hành hình phạt của bản án số 148/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân T phố Móng Cái, tỉnh Q và tổng hợp với hình phạt tại bản án này theo quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Lò Thị Tr và Lương Thị N đã được nhận lại số tiền bị mất và không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra thu giữ 7.300.000 đồng là số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị N và chị Tr, đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập.

[11] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Liên quan trong vụ án có Vũ Văn V cùng tham gia trộm cắp tài sản với Phạm Văn T, căn cứ khoản 1 Điều 12 Bộ luật Hình sự, xét thấy V chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên không đề cập xử lý; Đối với Đinh Đức T được V cho

200.000đ và Nguyễn Đức C được V cho 500.000đ, nhưng T và C không biết đó là tiền do V trộm cắp mà có, nên không đề cập xử lý.

[13] Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[14] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, o khoản 1 Điều 52; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Phạm Văn T** 12 (Mười hai) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân T phố Móng Cái, tỉnh Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (Mười tám) tháng tù, được trừ 05 ngày tạm giữ (từ 16/10/2017 đến 20/10/2017). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 17 tháng 25 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/5/2018.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết nơi cư trú.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Công an huyện H;
- Thi hành án huyện H; Sở tư pháp;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hương Lan**